

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CÁNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH

Số: 1037/TB-CVHHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

BỔ SUNG THÔNG TIN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT) VÀO BẢNG GIÁ DỊCH VỤ THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI TỪ TÀU THUYỀN KHU VỰC CẢNG BIỂN QUẢNG NINH

1. Tên đơn vị cung ứng dịch vụ: Công Ty TNHH Dịch Vụ Và Thương Mại Đức Tùng

Thông tin liên hệ:

- Mã số doanh nghiệp: 5701906144

- Địa chỉ: Số 259, Tổ 1, Khu 1, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 0989.318343; 0972.654.855

- Email: ductung144@gmail.com .

2. Bảng kê khai giá dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền của công ty sau khi bổ sung thông tin thuế giá trị gia tăng (VAT):

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Đơn giá xuất hóa đơn cho các tổ chức, cá nhân có địa chỉ tại nước ngoài, giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) là: 0%	Đơn giá xuất hóa đơn cho các tổ chức cá nhân ở trong nước, giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)	Đơn giá xuất hóa đơn cho các tổ chức, cá nhân ở trong nước, giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) là: 8%	Ghi chú
Chất thải sinh hoạt từ tàu thuyền						
I - Tại khu vực Hòn Nét						



1	Tàu nước ngoài					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	100 USD/chuyến	100 USD/chuyến	108 USD/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 60 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 60 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 64,8 USD/ m^3	
2	Tàu Việt Nam					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	1.000.000 Đ/chuyến	1.000.000 Đ/chuyến	1.080.000 Đ/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 600.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 600.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 648.000 Đ/ m^3	
II - Tại khu vực Hòn Con Ong						
1	Tàu nước ngoài					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	80 USD/chuyến	80 USD/chuyến	86,4 USD/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 50 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 50 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 54 USD/ m^3	
2	Tàu Việt Nam					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	800.000 Đ/chuyến	800.000 Đ/chuyến	864.000 Đ/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 500.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 500.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 540.000 Đ/ m^3	
III - Tại khu vực Hòn Ót						
1	Tàu nước ngoài					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	60 USD/chuyến	60 USD/chuyến	64,8 USD/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 40 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 40 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 43,2 USD/ m^3	
2	Tàu Việt Nam					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	600.000 Đ/chuyến	600.000 Đ/chuyến	648.000 Đ/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 400.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 400.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 432.000 Đ/ m^3	

IV - Tại khu vực Cặp Tiên						
1	Tàu khách quốc tế					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	60 USD/chuyến	60 USD/chuyến	64,8 USD/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 40 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 40 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 43,2 USD/ m^3	
2	Tàu Việt Nam					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	600.000 Đ/chuyến	600.000 Đ/chuyến	648.000 Đ/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 400.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 400.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 432.000 Đ/ m^3	
V - Tại khu neo Hạ Long (HL)						
1	Tàu nước ngoài					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	70 USD/chuyến	70 USD/chuyến	75,6 USD/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 35 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 35 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 37,8 USD/ m^3	
2	Tàu Việt Nam					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	850.000 Đ/chuyến	850.000 Đ/chuyến	918.000 Đ/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 450.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 450.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 486.000 Đ/ m^3	
VI - Tại khu neo Bến Đoan, Hòn Gai (HG), Cửa Lục (CL)						
1	Tàu nước ngoài					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	60 USD/chuyến	60 USD/chuyến	64,8 USD/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 30 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 30 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 32,4 USD/ m^3	



2	Tàu Việt Nam					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	800.000 Đ/chuyến	800.000 Đ/chuyến	864.000 Đ/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 400.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 400.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 432.000 Đ/ m^3	
VII - Tại khu neo Hòn Miêu (HM), Hòn Pháo (HP)						
1	Tàu nước ngoài					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	80 USD/chuyến	80 USD/chuyến	86,4 USD/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 45 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 45 USD/ m^3	Thêm 1m^3 tính 48,6 USD/ m^3	
2	Tàu Việt Nam					
	$\leq 01 \text{ m}^3$	Chuyến	950.000 Đ/chuyến	950.000 Đ/chuyến	1.026.000 Đ/chuyến	
	$> 01 \text{ m}^3$	Chuyến	Thêm 1m^3 tính 550.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 550.000 Đ/ m^3	Thêm 1m^3 tính 594.000 Đ/ m^3	

Nơi nhận:

- Các tổ chức cá nhân có liên quan;
- Giám đốc (đề b/c);
- Phòng TTTT, các đại diện (niêm yết);
- Website CVHHQN (niêm yết);
- Lưu: VT, ATANHH. *M. Giang*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Chu Giang